

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 15-9-2020

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 225/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 404/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Long E, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Long E chung sống với nhau vào năm 2002; có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị sinh con gái, mâu thuẫn về

kinh tế gia đình, anh E cho rằng chị không chăm lo cho gia đình. Khi nộp đơn xin ly hôn, chị và anh E vẫn sống chung nhà, không có ly thân; sau khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải thì chị về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh E.

Về con chung: Chị và anh E có 02 con chung tên Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 11/5/2002 và Đỗ Thị Quế T, sinh ngày 14/7/2014; hiện hai con vẫn sống chung nhà với anh chị. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, giao cháu M cho anh E trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Đỗ Long E trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống với nhau đến nay vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn, không cự cãi. Anh không biết lý do gì cách nay hai tháng chị P nói muốn ly hôn, anh có hỏi lý do thì chị P nói không muốn sống chung nữa nên ly hôn. Anh và chị P không có sống ly thân, chuyện sinh hoạt vợ chồng vẫn bình thường cho đến khi Tòa án hòa giải. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì còn thương vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung đúng như chị P đã trình bày, hiện nay hai con vẫn đang sống chung với vợ chồng. Nay nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 225/2020/HNGĐ-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim P.

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P về việc xin ly hôn với anh Đỗ Long E.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Ngày 13/5/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P có đơn kháng cáo (đề ngày 12/5/2020) với nội dung: Chị Nguyễn Thị Kim P kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 225/2020/HNGĐ-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị.*

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được ly hôn với anh Đỗ Long E với lý do mâu thuẫn giữa chị và anh E đã trầm trọng, vợ chồng ly thân không còn sống chung dẫn đến tình cảm không còn.

Nguyên đơn không rút lại yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh E chỉ là những va chạm nhỏ trong cuộc sống vợ chồng, chưa đến mức trầm trọng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị P xin ly hôn nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị P và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim P nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Anh Đỗ Long E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh E.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Kim P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Long E. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn” là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Đỗ Long E. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh E được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2002 ngày 26/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời trình bày của chị P thì nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P mang thai con thứ hai là con gái, anh E lại thích con trai, anh E chỉ có lời nói khiến chị buồn một lần sau khi có kết quả siêu âm nhưng trong suốt thời gian chị mang thai đến khi sinh con

và thời gian sau đó, anh E vẫn chăm lo mẹ con chị chu đáo. Ngoài ra, do vợ chồng chung sống tại gia đình chị, sợ anh E buồn khi sống bên vợ nên chị giao tiền cho anh E giữ, vì vậy trong sinh hoạt chi tiêu chị không thoải mái, đôi lúc vợ chồng cự cãi, xúc phạm lẫn nhau. Anh E cũng thừa nhận do anh thích con trai nên có lời nói khiến chị P buồn nhưng chỉ là hành vi nhất thời, không phải mâu thuẫn tình cảm vợ chồng; hiện nay anh vẫn chăm sóc tốt các con và không có hành vi phân biệt đối xử giữa các con. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra cự cãi về vấn đề kinh tế như chị P trình bày, anh hứa sẽ khắc phục mâu thuẫn này để hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm sóc hai con.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Kim P và anh Đỗ Long E là không lớn; vợ, chồng không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; anh Đỗ Long E cũng đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng; mặt khác, trong quá trình xét xử sơ thẩm, con gái của anh chị là cháu Đỗ Thị Trà M có nguyện vọng muốn cha mẹ có thời gian suy nghĩ, đoàn tụ với nhau, anh E cũng có thiện chí muốn đoàn tụ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài những tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, chị P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị. Do đó, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 225/2020/HNGĐ-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim P không được chấp nhận nên chị phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc xác định biên lai thu tạm ứng án phí sơ thẩm nên cần điều chỉnh. Cụ thể: Chị P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 01794 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (bút lục số 10), không phải biên lai thu số 0002705 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (dòng thứ 2 từ dưới lên trang 4 của bản án sơ thẩm).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim P. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 225/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P về việc xin ly hôn với anh Đỗ Long E.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm. Tổng cộng chị P phải chịu 600.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị đã nộp theo biên lai thu số 01794 ngày 13/01/2020 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0002705 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như chị đã nộp xong án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền